

Bản án số: 21/2024/ KDTM-ST

Ngày: 20/6/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Triệu Mạnh Đ; sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: 4 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 5 Hồ N, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 135/UQ-NHNo6-KHKD ngày 05/6/2023).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N1; địa chỉ: Số A đường số E, khu B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N1: Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số B, tổ A, ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trang Văn T; sinh năm 1976; địa chỉ: Số A L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Tấn P; sinh năm 1999; địa chỉ: Số A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1982,

4/ Bà Đặng Châu K, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Số B, tổ A ấp A xã P, huyện N, TP .. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Duy Đ1; sinh năm 1992; địa chỉ: Số H ấp A xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

6/ Ông Phạm Quốc P1; sinh năm 1985,

7/ Bà Phạm Thị Kim M; sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: I, tổ E, ấp B, xã L huyện C, tỉnh Long An. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N (A) do ông Triệu Mạnh Đ đại diện trình bày:

Ngày 29/12/2020, A có ký kết với Công Ty TNHH N1 (Công ty N1) Hợp đồng tín dụng số 1605LAV 202000094 cho vay hạn mức 30 tỷ, thời hạn hiệu lực là 12 tháng, thời gian cho vay mỗi lần nhận nợ là 6 tháng. Lãi suất 9,5%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công Ty TNHH N1 theo hợp đồng tín dụng trên, các chủ tài sản đã đồng ý dùng tài sản thế chấp cho A Chi Nhánh 6 như sau:

1. QSDĐ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 995281, số vào sổ cấp GCN: CH 01273 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 13/07/2015 (cập nhật thay đổi ngày 25/12/2020) do ông Trang Văn T đứng tên chủ sử dụng - Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202000079 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 29/12/2020, số công chứng 45972, quyền số 46 TP/CC-SCC/HĐGD; Tổng giá trị tài sản là: 27.097.400.000 đồng; Phạm vi bảo đảm: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1400, tờ bản đồ số 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 686189, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14448 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh L cấp ngày 05/06/2020) cho ông Nguyễn Tấn P - Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100028 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 07/12/2021, số công chứng 31796, quyền số 32/2021 TP/CC-SCC/HĐGD; tổng giá trị tài sản là: 3.230.000.000 đồng, nghĩa vụ bảo đảm là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 441395, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01060 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 30/09/2015 (cập nhật thay đổi ngày 22/03/2016) do ông Phạm Hoàng H đứng tên chủ sở hữu, sử dụng - Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100032 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33902, quyền số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD; Tổng giá trị tài sản là: 4.800.000.000 đồng; Nghĩa vụ bảo đảm : 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số CD 430142, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03636 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 15/04/2016 cho ông Nguyễn Duy Đ1 - Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100029 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33955, quyền số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD; tổng giá trị tài sản là: 5.400.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm : 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

A đã giải ngân số tiền tổng cộng 48.055.000.000.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N1 đã trả tiền gốc và lãi đầy đủ đến tháng 7/2021 gồm 19.870.000.000đ tiền gốc và 973.487.054đ tiền lãi. Dư nợ gốc là 28.185.000.000đ. Do dịch covid-19, doanh nghiệp gặp khó khăn trong thanh toán nợ nên A không chuyển lãi quá hạn trong thời gian này mà chỉ tính lãi trong hạn.

Do nhu cầu vay của khách hàng, A xem xét điều kiện của khách hàng nên hai bên đã thanh lý hợp đồng tín dụng số 1605LAV 202000094 ngày 29/12/2020 và ngày 16/06/2022, A ký với Công Ty TNHH N1 (Công ty N1) Hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-202200048. Theo đó, A cho Công ty N1 vay số tiền: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng); lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: 9,0%/năm, điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân = (bằng) trần lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam; dữ trữ thanh toán cộng (+) biên độ 2,5% nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký HĐTD; lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 8%/năm; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh ; Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ vay tối đa là: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công Ty TNHH N1 như sau:

- Chuyển từ hợp đồng tín dụng số tín dụng số 1605LAV 202000094 ngày 29/12/2020) số tiền 300.000.000 đồng giải ngân ngày 08/7/2021.
- Chuyển từ hợp đồng tín dụng số tín dụng số 1605LAV 202000094 ngày 29/12/2020 số tiền 17.260.000.000 đồng giải ngân ngày 09/7/2021.
- Ngày 17/6/2022, giải ngân số tiền 4.985.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200099.
- Ngày 20/6/2022, giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200100.
- Ngày 21/6/2022, giải ngân số tiền 4.600.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200101.
- Ngày 27/6/2022, giải ngân số tiền 1.230.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200109.
- Ngày 25/10/2022, giải ngân số tiền 625.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200182.

Tổng tiền gốc là 30.000.000.000đ (ba mươi tỷ đồng).

Thực hiện hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-202200048, Công Ty TNHH N1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán:

- Đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng (chuyển từ hợp đồng tín dụng số tín dụng số 1605LAV 202000094 ngày 29/12/2020) chưa đóng lãi (do dịch covid-19) và gốc cho Ngân hàng; ngày 09/01/2023 chuyển lãi quá hạn.

- Đối với số tiền gốc 17.260.000.000 đồng (chuyển từ hợp đồng tín dụng số tín dụng số 1605LAV 202000094 ngày 29/12/2020) chưa đóng lãi (do dịch covid) và gốc cho Ngân hàng; ngày 10/01/2023 chuyển lãi quá hạn.

- Đối với số tiền gốc 4.985.000.000 đồng giải ngân ngày 17/6/2022 đã đóng lãi đến hết ngày 15/11/2022. Chuyển lãi quá hạn ngày 20/12/2022.

- Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, giải ngân ngày 20/6/2022, đóng lãi đến hết ngày 15/11/2022. Chuyển lãi quá hạn ngày 21/12/2022.

- Đối với số tiền 4.600.000.000 đồng giải ngân ngày 21/6/2022, đóng lãi đến 15/12/2022; chuyển lãi quá hạn ngày 22/12/2022.

- Đối với số tiền 1.230.000.000 đồng giải ngân ngày 27/6/2022, đóng lãi đến 15/11/2022; chuyển lãi quá hạn từ ngày 28/12/2022.

- Đối với số tiền 625.000.000 đồng giải ngân ngày 25/10/2022, đóng lãi đến 15/11/2022; chuyển lãi quá hạn ngày 26/4/2023.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2024, tổng dư nợ (gốc, lãi) của Công Ty TNHH N1 tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A Chi nhánh 6 là: 38.637.065.241 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một đồng), trong đó:

- + Nợ gốc: 30.000.000.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 2.436.621.781 đồng
- + Nợ quá hạn: 5.918.594.178 đồng
- + Nợ lãi chậm trả: 281.849.282 đồng

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6:

1. Tuyên buộc Công Ty TNHH N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi tiếp tục phát sinh) đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2024 là: 38.637.065.241 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một đồng), trong đó:

- + Nợ gốc: 30.000.000.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 2.436.621.781 đồng
- + Nợ quá hạn: 5.918.594.178 đồng
- + Nợ lãi chậm trả: 281.849.282 đồng

Thời hạn trả là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Tuyên buộc Công Ty TNHH N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế Công ty trả hết nợ gốc cho A.

3. Tuyên buộc Công Ty TNHH N1 nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu bị đơn hoàn lại cho A chi phí thẩm định tại chỗ là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Bị đơn là Công Ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1) do ông Phạm Hoàng H là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 01/4/2024 và bản tự khai bổ sung ngày 12/6/2024 trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên từ năm 2021, Công ty N1 đã vay của Ngân hàng N nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 08/7/2021 vay số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202100100.

Ngày 09/7/2021 vay số tiền 17.260.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202100102.

Ngày 17/6/2022 vay số tiền 4.958.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200099.

Ngày 20/6/2022 vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200100.

Ngày 21/6/2022 vay số tiền 4.600.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200101.

Ngày 27/6/2022 vay số tiền 1.230.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200109.

Ngày 25/10/2022 vay số tiền 625.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 1605 LDS 202200182.

Tổng số tiền mà Công ty N1 vay của A là 30.000.000.000đ (ba mươi tỷ đồng).

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là:

- Ông Trang Văn T thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 995281, số vào sổ cấp GCN: CH 01273 do UBND Huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 13/07/2015 (cập nhật biến động sang tên ông T ngày 25/12/2020).

- Ông Nguyễn Tấn P thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 686189, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14448 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 05/06/2020).

- Ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 441395, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01060 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 30/09/2015 (cập nhật thay đổi ngày 22/03/2016).

- Ông Nguyễn Duy Đ1 đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 430142, số vào

sổ cấp giấy chứng nhận CS 03636 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 15/04/2016.

Do kinh doanh khó khăn nên từ lúc vay đến nay Công ty N1 chưa thanh toán được khoản nợ gốc nào cho Ngân hàng. Hiện còn nợ tiền gốc là 30.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2024 gồm: Lãi trong hạn là 6.227.008.767đ, lãi quá hạn là 1.895.156.507đ, lãi chậm trả là 588.383.373đ.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty N1 trả nợ, ông Phạm Hoàng H đại diện Công ty N1 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Công ty N1 và các bên thế chấp tài sản sẽ cố gắng bán các tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp không thể bán các tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trang Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 23/4/2024 trình bày:

Ông Trang Văn T là chủ sử dụng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Vào khoảng tháng 12/2020, ông T có thế chấp thửa đất trên cho Ngân hàng N2 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH N1. Công ty N1 vay của Ngân hàng số tiền bao nhiêu thì ông không rõ. Trong trường hợp Công ty N1 không có khả năng trả nợ thì ông T đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn P vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 03/4/2024 trình bày:

Ông Nguyễn Tấn P là chủ sử dụng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 686189, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14448 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 05/06/2020). Năm 2021, Công ty TNHH N1 có vay vốn của Ngân hàng N. Để đảm bảo khoản vay, ông P đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Việc công ty N1 vay bao nhiêu tiền thì ông P không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N1 trả nợ, ông P đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong trường hợp Công ty N1 không trả được nợ, ông P đồng ý để cho phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 01/4/2024 trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K là chủ sử dụng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 441395, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01060 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 30/09/2015 (cập nhật sang tên ông Phạm Hoàng H ngày 22/03/2016).

Từ năm 2021, Công ty TNHH N1 có vay vốn của Ngân hàng N. Để đảm bảo khoản vay của Công ty N1, ông H, bà K đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Việc Công ty N1 vay bao nhiêu tiền thì ông, bà không rõ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N1 trả nợ, ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong trường hợp Công ty N1 không trả được nợ thì ông, bà đồng ý để cho phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy Đ1 vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 01/4/2024 trình bày:

Ông Nguyễn Duy Đ1 là chủ sử dụng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 430142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03636 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 15/04/2016.

Từ năm 2021, Công ty TNHH N1 có vay vốn của Ngân hàng N. Để đảm bảo khoản vay của Công ty N1, ông Nguyễn Duy Đ1 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Việc công ty N1 vay tiền của Ngân hàng như thế nào thì ông Đ1 không rõ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N1 trả nợ, ông Đ1 đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong trường hợp Công ty N1 không trả được nợ thì ông đồng ý để cho phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Quốc P2 và bà Phạm Thị Kim M vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2024 trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Quốc P1 và bà Phạm Thị Kim M hiện đang sống trong nhà số I, tổ E, ấp B xã L, huyện C, tỉnh Long An; đây là nhà của ba ruột ông P1 nhận chuyển nhượng từ chủ cũ. Trước khi chuyển nhượng, chủ cũ có xây dựng một mái tole che làm nhà bếp và 01 nhà vệ sinh có kết cấu tường gạch, mái tole trên thửa đất kế bên là thửa 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Khi vào ở nhà này thì ông P1, bà M tiếp tục sử dụng phần mái tole và nhà vệ sinh này. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát mãi thửa đất 1208 hoặc chủ sử dụng đất lấy lại đất thì ông P1, bà M đề nghị báo trước cho ông bà 01 tuần để tháo dỡ và di dời tài sản của gia đình, mọi chi phí tháo dỡ ông, bà tự chịu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N (A) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1) thanh toán tiền gốc và lãi từ Hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-202200048. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại phát sinh từ Chi nhánh 6 Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn là Công ty N1 do ông Phạm Hoàng H đại diện theo pháp luật và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 1605-LAV-202200048 ngày 16/06/2022, được ký kết giữa Ngân hàng N (A) và Công Ty TNHH N1 (Công ty N1) cũng như lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định Công ty N1 đã vay của A số tiền 30.000.000.000 đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán tính đến ngày 20/6/2024 là: 38.637.065.241 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc: 30.000.000.000 đồng ; nợ lãi trong hạn: 2.436.621.781 đồng; nợ quá hạn: 5.918.594.178 đồng; nợ lãi chậm trả: 281.849.282 đồng. Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng đồng thời vi phạm quy định tại Điều 463, điều 466 Bộ luật dân sự hiện hành.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ Ngân hàng N cung cấp, sự thừa nhận của các đương sự về lãi suất, thời hạn vay, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2024 là 38.637.065.241 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một đồng).

Về thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng N, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng của các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Về tài sản đảm bảo:

- Xét Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202000079 được chứng nhận bởi Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 29/12/2020, số công chứng 45972, quyển số 46 TP/CC-SCC/HĐGD. Có đăng ký giao dịch bảo đảm, được ký kết giữa A chi nhánh 6 là bên nhận thế chấp và ông Trang Văn T là bên thế chấp thì các bên đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục về việc thế chấp bất động sản đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; Tổng giá trị tài sản là: 27.097.400.000 đồng; Phạm vi bảo đảm bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các chi phí khác có liên quan trong đó số tiền nợ gốc tối đa là

20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng) và các hợp đồng tín dụng khác, phụ lục hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ trả nợ khác phát sinh sau khi được ký kết.

- Xét Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100028 được chứng nhận bởi Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 07/12/2021, số công chứng 31796, quyển số 32/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. Có đăng ký giao dịch đảm bảo, được ký kết giữa A chi nhánh 6 là bên nhận thế chấp và ông Nguyễn Tấn P thì các bên đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục về việc thế chấp bất động sản đối với thửa đất số 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An; tổng giá trị tài sản là: 3.230.000.000 đồng, nghĩa vụ bảo đảm là bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các chi phí khác có liên quan của bên được bảo đảm tại các hợp đồng cấp tín dụng ký trước, trong và sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)

- Xét Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100032 được chứng nhận bởi Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33902, quyển số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. Có đăng ký giao dịch bảo đảm, được ký kết giữa A chi nhánh 6 là bên nhận thế chấp và ông Phạm Hoàng H, bà Đặng Châu K thì các bên đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục về việc thế chấp bất động sản đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Tổng giá trị tài sản là: 4.800.000.000 đồng; Nghĩa vụ bảo đảm: bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các chi phí khác có liên quan của bên được bảo đảm tại các hợp đồng cấp tín dụng ký trước, trong và sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Trong đó nợ gốc là 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Xét Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100029 được chứng nhận bởi Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33955, quyển số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. Có đăng ký giao dịch đảm bảo, được ký kết giữa A chi nhánh 6 là bên nhận thế chấp và ông Nguyễn Duy Đ1 là bên thế chấp thì các bên đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục về việc thế chấp bất động sản đối với thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Tổng giá trị tài sản là: 5.400.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các chi phí khác có liên quan của bên được bảo đảm tại các hợp đồng cấp tín dụng ký trước, trong và sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Trong đó nợ gốc là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

Ông Trang Văn T, ông Nguyễn Tấn P, ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K, ông Nguyễn Duy Đ1 được quyền nhận lại giấy tờ về tài sản thế chấp sau khi Công ty N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho A.

Căn cứ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp giữa các bên và quy định của pháp luật tại Điều 318, 319, 322, 335, 336 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì bên nhận tài sản thế chấp là A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông Trang Văn T là chủ sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất thửa đất số 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Tấn P là chủ sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông Phạm Hoàng H là chủ sử dụng đất;

Quyền sử dụng thửa đất số 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Duy Đ1 là chủ sử dụng đất.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2024 thì thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông Trang Văn T là chủ sử dụng Quyền sử dụng đất, có hiện trạng là đất trống.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2024 thì thửa đất số 1400, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Tấn P là chủ sử dụng có hiện trạng là đất trống.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2024 thì hiện trạng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông Phạm Hoàng H là chủ sử dụng là đất trống.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2024 thì thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Duy Đ1 là chủ sử dụng đất có hiện trạng: Trên đất có cỏ tạp, có 02 công trình là mái che tole và 01 nhà vệ sinh có kết cấu gạch, mái tole.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2024 thì các tài sản này là do chủ cũ của nhà số I (kế bên thửa đất 1208), tổ E, ấp B xã L, huyện C, tỉnh Long An xây dựng, sau khi chuyển nhượng thì hiện nay ông Phạm Quốc P1, bà Phạm Thị Kim M đang quản lý sử dụng vì vậy ông Phạm Quốc P1 bà Phạm Thị Kim M phải thu dọn đồ đạc, tài sản, di dời các công trình nêu trên ra khỏi thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An khi A thực hiện quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), A đã đóng tạm ứng theo 04 Biên lai thu tiền ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc Công ty N1 có nghĩa vụ trả cho A số tiền 28.000.000đ mà A đã nộp tạm ứng.

[6] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) Công ty N1 phải chịu án phí là 146.637.065đ.

Nguyên đơn là A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4 Luật Thương Mại 2005; Căn cứ Điều 91, Điều 95

Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 303, 318, 319, 320, 321, 335, 336, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N.

1.1 Buộc Công ty TNHH N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số nợ tính đến ngày 20/6/2024 là 38.637.065.241đ (Ba mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi một đồng) - Trong đó nợ gốc là 30.000.000.000đ (ba mươi tỷ đồng); nợ lãi trong hạn là 2.436.621.781đ (Hai tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng); nợ lãi quá hạn là 5.918.594.178đ (Năm tỷ chín trăm mười tám triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi tám đồng); nợ lãi chậm trả là 281.849.282đ (Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi hai đồng) - là số tiền Công ty TNHH N1 vay của Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1605-LAV-202200048 ngày 16/06/2022.

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ngân hàng N có trách nhiệm trả cho ông Trang Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 995281, số vào sổ cấp GCN: CH 01273 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 13/07/2015 (cập nhật biến động sang tên ông T ngày 25/12/2020).

Thời hạn trả là: Ngay khi Công ty TNHH N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

1.3 Ngân hàng N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 686189, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 14448 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 05/06/2020) cho ông Nguyễn Tấn P.

Thời hạn trả là: Ngay khi Công ty TNHH N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

1.4 Ngân hàng N có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 441395, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01060 do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 30/09/2015 (cập nhật thay đổi ngày 22/03/2016).

Thời hạn trả là: Ngay khi Công ty TNHH N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

1.5 Ngân hàng N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Duy Đ1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 430142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03636 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 15/04/2016.

Thời hạn trả là: Ngay khi Công ty TNHH N1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

1.6 Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty TNHH N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì bên nhận tài sản thế chấp là Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các chi phí khác có liên quan (nếu có) đối với:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202000079 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 29/12/2020, số công chứng 45972, quyền số 46 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N với bên thế chấp là ông Trang Văn T.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1400, tờ bản đồ số 6, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100028 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 07/12/2021, số công chứng 31796, quyền số 32/2021 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N với bên thế chấp là ông Nguyễn Tấn P.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100032 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33902, quyền số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N với bên thế chấp là ông Phạm Hoàng H và bà Đặng Châu K.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1208, tờ bản đồ số: 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 1605 LCL 202100029 được chứng nhận bởi Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích T1, tỉnh Long An ngày 22/12/2021, số công chứng 33955, quyền số 34/2021 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N với bên thế chấp là ông Nguyễn Duy Đ1.

1.8 Trong trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp lớn hơn nghĩa vụ bên thế chấp phải thực hiện thì số dư còn lại được hoàn trả cho bên thế chấp.

1.9 Buộc ông Phạm Quốc P1 và bà Phạm Thị Kim M phải thu dọn toàn bộ đồ đạc, tài sản, di dời các công trình có trên đất ra khỏi thửa đất số 1208, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An khi Ngân hàng N thực hiện quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

1.10 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty TNHH N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng N, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng của các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH N1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Công ty TNHH N1 phải chịu án phí KDTMST là 146.637.065đ (một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng).

3.2 Trả lại cho Ngân hàng N 70.488.271đ (Bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013352 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6 TP Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty N1, ông Trang Văn T, ông Nguyễn Tấn P, ông Phạm Hoàng H, bà Đặng Châu K, ông Nguyễn Duy Đ1, ông Phạm Quốc P1, bà Phạm Thị Kim M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu

